

NGHIỆP VỤ TẠO VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Bài 1:

Tại Ngân hàng TMCP Tân Á có tình hình nguồn vốn như sau:

Chi tiết các loại vốn	Số bình quân (triệu đồng)	Lãi suất
Tiền gửi thanh toán và doanh nghiệp	66.398	0%
Tiền gửi giao dịch khác	98.271	2,61%
Tiền gửi tiết kiệm	89.043	4,33%
Tiền gửi kỳ hạn các loại	129.807	5,46%
Chứng chỉ tiền gửi	31.269	5,71%
Các loại tiền gửi hưởng lãi khác	9.806	5,27%
Các quỹ vay	19.931	4,61%
Vốn tự có	40.000	

Yêu cầu:

- Xác định tỷ lệ chi phí trả lãi bình quân, tỷ lệ chi phí hoà vốn cho nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài. Biết rằng chi phí phi lãi suất chiếm 10% tổng chi phí và ngân hàng dự kiến sử dụng 70% nguồn vốn vào tài sản sinh lời?
- Đề đạt được tỷ lệ ROE là 15% thì lãi suất đầu ra bình quân hợp lý là bao nhiêu? Biết rằng thuế thu nhập là 28%.

Bài 2:

Một ngân hàng có các số liệu sau: (lãi suất bình quân năm)

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	Số dư	Lãi suất
Tiền gửi thanh toán (cá nhân và doanh nghiệp)	73.689	0%
Tiền gửi giao dịch khác	82.722	4,3%
Tiền gửi tiết kiệm	92.650	5,5%
Tiền gửi kỳ hạn các loại	126.000	4%
Chứng chỉ tiền gửi	45.000	4,5%
Các loại tiền gửi hưởng lãi khác	10.000	5,6%
Vốn vay	20.000	4,5%
Vốn và các quỹ	39.000	
Tổng cộng	489.061	

Yêu cầu:

Xác định lãi suất đầu ra bình quân hợp lý. (Biết rằng chi phí phi lãi suất bằng 25% chi phí lãi suất, tài sản sinh lời chiếm 80% tổng tài sản, thuế suất thuế thu nhập là 28%).

Bài 3:

Một ngân hàng có số liệu về tình hình huy động như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

1. Tiền gửi của TCKT			3 Phát hành giấy tờ có giá		
- Tiền gửi thanh toán	35.724	0%	- Kỳ phiếu	62.396	3,25%
- Tiền gửi kỳ hạn ≤12 tháng	33.361	3,1%	- Trái phiếu	62.967	6,85%
2 Tiền gửi cá nhân			- Chứng chỉ tiền gửi 6 tháng	29.659	3,8%
- Tiền gửi thanh toán	28.243	0%	4. Vốn đi vay		
- TG TK kỳ hạn ≤12 tháng	62.506	3,40%	- Vay ngân hàng nhà nước	3.610	3,40%
- TG TK kỳ hạn >12 tháng	87.559	6,5%	- Vay các tổ chức tín dụng	9.913	3,48%
			5. Nhận vốn tài trợ ủy thác của Chính phủ	4.408	0%

Yêu cầu:

- Xác định tỷ lệ chi phí hoà vốn cho nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài và tỷ lệ chi phí vốn sau thuế bình quân.
 - Chi phí lãi suất chiếm 80% tổng chi phí.
 - Thuế suất thuế thu nhập: 28%.
 - Tỷ lệ ROE dự kiến: 14%.
 - Tỷ lệ tài sản không sinh lời trong tổng tài sản là 20,5%.
 - Vốn tự có: 34.210 triệu đồng.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Bài 1:

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh quý III năm 200X, doanh nghiệp A lập kế hoạch kinh doanh cho quý III, kèm các hồ sơ vay vốn lưu động gửi đến Ngân hàng thương mại A. Trong giấy đề nghị vay vốn của doanh nghiệp, mức vay là 721,5 triệu đồng. Qua thẩm định hồ sơ vay, ngân hàng xác định được các số liệu sau:

- Giá trị vật tư hàng hoá cần mua vào trong quý là: 855,5 triệu đồng.
- Chi phí trả lương nhân viên: 566,8 triệu đồng.
- Chi phí quản lý kinh doanh chung là: 121,65 triệu đồng.
- Chi phí khấu hao nhà xưởng và thiết bị: 241 triệu đồng.
- Tổng số VLĐ tự có của khách hàng A là: 721,25 triệu đồng.
- Giá trị tài sản thế chấp: 1.023,5 triệu đồng.

Tại thời điểm này Ngân hàng tiến hành xây dựng kế hoạch cân đối vốn kinh doanh Quý III/200X:

- Nguồn vốn của ngân hàng bao gồm:
 - + Vốn huy động: 132.951 triệu đồng.
 - + Vốn tự có : 15.370 triệu đồng.
 - + Vốn nhận điều hoà: 34.955,35 triệu đồng.
 - + Vốn khác: 8.848,75 triệu đồng.

Ngân hàng căn cứ vào khả năng nguồn vốn có thể bố trí cho khách hàng A số dư nợ kế hoạch bằng 0,4% số vốn sử dụng vào kinh doanh.

Yêu cầu:

Theo anh (chị) Ngân hàng thương mại A có thể duyệt mức cho vay theo như doanh nghiệp đề nghị không? Tại sao?

Biết rằng:

- Tỷ lệ dự trữ chung cho vốn huy động là 7%.
- Ngân hàng thường cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp.
- Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trên, doanh nghiệp còn vay của tổ chức tín dụng Z là 87,75 triệu đồng.

Bài 2:

Công ty lắp máy điện nước có nhu cầu vay từng lần để thực hiện một hợp đồng ký giữa Công ty lắp máy điện nước và một Công ty liên doanh, nhận mua và lắp đặt trạm biến áp, thiết bị lạnh. Tổng giá trị hợp đồng khoán gọn: 4.540 triệu đồng (giả thiết coi như hợp đồng đảm bảo nguồn thanh toán chắc chắn), thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 1/7/200X đến tháng 1/11/200X phải bàn giao. Bên A ứng trước vốn là: 1.000 triệu đồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau 1 tháng khi công trình bàn giao.

Trong tháng 6/200X, công ty có xuất trình một hợp đồng đã ký để mua máy biến áp và các thiết bị lạnh trị giá 4.000 triệu đồng, phải thanh toán tiền ngay trong tháng.

Biết rằng:

- Lãi suất vay hiện hành: 0,8%/tháng
- Vốn tự có tham gia: 500 triệu đồng
- Tổng chi phí cho việc vận chuyển và lắp đặt thiết bị: 300 triệu đồng

Yêu cầu:

1. Hãy cho biết ngân hàng có nên giải quyết cho vay đối với công ty hay không? Tại sao?
2. Theo anh (chị) mức cho vay và thời hạn vay tối đa là bao nhiêu?

Bài 3:

Công ty Hoà Bình có nhu cầu vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển 5 tỷ đồng để thi công công trình đã trúng thầu (công trình được đầu tư bằng vốn ngân sách). Thời gian vay 7 tháng, kể từ tháng 6/200X, lãi suất 0,9%/ tháng.

Giá trị hợp đồng công ty nhận thầu 5 tỷ, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 1/6/200X đến 1/11/200X. Bên A ứng trước 10% giá trị hợp đồng và bên A thanh toán 2 lần, lần đầu vào cuối tháng 8/200X, giá trị thanh toán lần đầu là 50%. Số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau 1 tháng công trình được bàn giao.

Lãi định mức xây lắp là 10% giá trị hợp đồng.

Biết rằng:

- Công ty dùng vốn tự có và vốn A ứng trước để dự trữ gói đầu.
- Đơn vị không sử dụng máy móc để thi công.

Yêu cầu:

Với các điều kiện trên, anh (chị) hãy tính mức cho vay và thời hạn cho vay tối đa.

Bài 4:

Trong tháng 3 năm 200X công ty kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam (FIC) gửi đến Ngân hàng thương mại A hồ sơ vay vốn cố định để thực hiện dự án mở rộng sản xuất kinh doanh (công ty tự làm) đáp ứng nhu cầu hàng hoá của người tiêu dùng. Sau khi xem xét và thẩm định dự án đầu tư, ngân hàng đã thống nhất với doanh nghiệp về các số liệu sau:

- + Tổng mức vốn đầu tư thực hiện dự án: 3.190 triệu đồng
- + Vốn tự có thực hiện dự án bằng 35% tổng mức vốn đầu tư cho dự án.
- + Các nguồn vốn khác tham gia dự án là 350 triệu đồng.
- + Giá trị tài sản thế chấp: 2.800 triệu đồng
- + Lợi nhuận thu được hàng năm của doanh nghiệp sau khi thực hiện dự án: 1274 triệu đồng, tăng 30% so với trước khi thực hiện dự án.

Tại thời điểm ngân hàng xét duyệt hồ sơ vay vốn của FIC, tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn của ngân hàng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản có	Tài sản nợ
Ngân quỹ 277.920	Vốn huy động 2.516.000
Kinh doanh tín dụng: 2.252.000	* Tiền gửi 1.316.000
Cho vay ngắn hạn	* Kỳ phiếu, trái phiếu 1.200.000
Cho vay trung dài hạn	Vốn tự có 945.000
Nghịệp vụ kinh doanh khác: 1.590.080	Nguồn vốn khác 659.000
Tài sản có: 4.120.000	Tài sản nợ & vốn tự có: 4.120.000

Yêu cầu:

1. Xác định mức cho vay đối với dự án.
2. Xác định thời hạn cho vay đối với dự án.

Biết rằng:

- Trong nguồn vốn huy động của ngân hàng có vốn huy động trung dài hạn bằng 40% vốn huy động kỳ phiếu trái phiếu và ngân hàng được phép sử dụng 25% vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung dài hạn.
- Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định 20%/ năm.
- Doanh nghiệp cam kết dùng toàn bộ phần lợi nhuận tăng thêm sau khi thực hiện dự án để trả nợ ngân hàng.
- Dự nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 35% tổng dư nợ.
- Các nguồn khác doanh nghiệp dùng để trả nợ ngân hàng hàng năm: 50,7 triệu đồng.
- Dự án được thực hiện ngày 16/4/200X và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 16/10/200X.
- Các số liệu trên được giả định.

Bài 5:

Trước quý 1/200X doanh nghiệp công nghiệp A gửi đến ngân hàng thương mại A hồ sơ vay vốn cố định để thực hiện dự án mở rộng sản xuất (công trình tự làm). Sau khi thẩm định ngân hàng đã nhất trí về các số liệu như sau:

- + Tổng mức vốn đầu tư thực hiện dự án gồm :
 - Chi phí XD CB: 1.500 triệu đồng
 - Chi phí XD CB khác: 300 triệu đồng
 - Tiền mua thiết bị: 2.000 triệu đồng
 - Chi phí vận chuyển thiết bị: 10 triệu đồng.
- + Vốn tự có của doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án bằng 30% giá trị dự toán của dự án.
- + Lợi nhuận doanh nghiệp thu được hàng năm trước khi đầu tư là 1.200 triệu đồng. Biết rằng sau khi đầu tư thực hiện dự án lợi nhuận tăng thêm được 25% so với trước khi đầu tư.
- + Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hàng năm: 15%.
- + Các nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án: 167 triệu đồng.

Yêu cầu:

Hãy xác định mức cho vay và thời hạn cho vay đối với dự án.

Biết rằng:

- Toàn bộ lợi nhuận tăng thêm sau khi thực hiện dự án được dùng để trả nợ cho ngân hàng.
- Nguồn khác dùng để trả nợ ngân hàng hàng năm: 30,6 triệu đồng.
- Giá trị tài sản thế chấp: 3.480 triệu đồng.
- Khả năng nguồn vốn của ngân hàng đáp ứng đủ nhu cầu vay của doanh nghiệp.
- Dự án khởi công ngày 1/1/200X và được hoàn thành đưa vào sử dụng sau 4 tháng kể từ ngày khởi công.
- Công ty không có nợ với các tổ chức tín dụng khác.

Bài 6:

Trong tháng 9 năm 200X, công ty gốm sứ Hải Dương gửi đến Ngân hàng A kế hoạch vay vốn lưu động quý 4/200X. Sau khi xem xét kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV của công ty với các số liệu sau:

- Tổng chi phí thực hiện kế hoạch kinh doanh quý IV: 37.638 triệu đồng.

Trong đó:

- + Chi phí nguyên vật liệu: 26.516,8 triệu đồng.
- + Tiền lương cho cán bộ, nhân viên: 168 triệu đồng.
- + Khấu hao tài sản cố định: 2.546 triệu đồng.
- + Lợi nhuận định mức: 1.506 triệu đồng.
- + Các chi phí sản xuất kinh doanh khác: 901,2 triệu đồng.

- Doanh số trả nợ kế hoạch quý IV: 1.772,8 triệu đồng.

Sau khi cân đối nhu cầu vay vốn của tất cả các khách hàng với khả năng nguồn vốn của mình, ngân hàng đã quyết định đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay của doanh nghiệp và xác định hạn mức tín dụng bằng 0,1% tổng nguồn vốn của ngân hàng.

Từ ngày 1/10 đến cuối ngày 26/12 trên tài khoản cho vay theo hạn mức của doanh nghiệp có:

Phát sinh Nợ: 20.715,6 triệu đồng

Phát sinh Có: 21.598,8 triệu đồng

Trong 5 ngày cuối quý, doanh nghiệp có phát sinh một số nghiệp vụ kinh tế như sau:

Ngày 27/12: Vay để trả tiền mua men và bột màu: 854 triệu đồng

Vay thanh toán tiền mua thiết bị: 187 triệu đồng

Ngày 28/12: Vay chi thưởng quý III cho nhân viên: 405 triệu đồng

Vay thanh toán tiền điện sản xuất: 42 triệu đồng

Ngày 29/12: Thu tiền bán hàng: 870 triệu đồng

Vay thanh toán tiền chi quảng cáo: 18 triệu đồng

Ngày 30/12: Vay thanh toán tiền mua ô tô chở hàng: 500 triệu đồng

Vay mua xi măng phục vụ XD CB: 150 triệu đồng

Ngày 31/12: Thu tiền gia công hàng cho công ty Y: 525 triệu đồng

Vay thanh toán tiền công xếp dỡ hàng hoá: 5 triệu đồng

Vay để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: 450 triệu đồng

Yêu cầu:

1. Xác định hạn mức tín dụng quý IV/200X.
2. Giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 5 ngày cuối tháng 12 (có giải thích).
3. Xác định vốn lưu động tự có và các nguồn vốn khác doanh nghiệp sử dụng vào kinh doanh trong quý IV/200X.

Biết rằng:

- Dư nợ tài khoản cho vay theo hạn mức cuối ngày 30/9/200X: 5.916 triệu đồng.
- Vòng quay vốn tín dụng kế hoạch quý IV/200X bằng vòng quay vốn lưu động.
- Trong kế hoạch cân đối vốn kinh doanh quý 4/200X của NH, nguồn vốn huy động là 5.040 tỷ, trong đó vốn huy động có kỳ hạn trên 12 tháng là 1.440 tỷ và các chỉ tiêu sử dụng vốn gồm có:
 - Dự trữ bắt buộc và dự trữ đảm bảo thanh toán: 276 tỷ
 - Nghiệp vụ kinh doanh tín dụng: 5.412 tỷ
 - Nghiệp vụ kinh doanh khác: 276 tỷ
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3% và dự trữ đảm bảo thanh toán là 7%.
- Xí nghiệp không phát sinh nợ quá hạn và dư nợ cuối quý IV là dư nợ lành mạnh.
- Các số liệu trên đều được giả định.